Thứ Sáu, Ngày 6 Tháng 3 Năm 2026

# Chứng khoán Việt Nam

## Thông tin thị trường chuyên sâu

Shinhan Securities

**Báo cáo ngày**

### Xu hướng thị trường:

### *Áp lực bán lan rộng*

▶ Chỉ số mở cửa phiên giao dịch với gap giảm 7.43 điểm sau nhịp áp lực điều chỉnh trong cuối phiên trước. VN-index tiếp tục chịu áp lực bán ròng mạnh của khối ngoại do lo ngại từ xung đột Trung Đông dù áp lực bán trên thị trường chứng khoán châu Á đã nhẹ đi. Các nhóm cổ phiếu tăng mạnh trong phiên hồi phục của thị trường trong các phiên trước trong đó có nhóm chứng khoán đã điều chỉnh giảm mạnh trong phiên giao dịch hôm nay.

▶ Kết thúc phiên giao dịch, chỉ số VN-Index giảm 40.67 điểm (-2.25%), còn 1,767.84 điểm; HNX-Index giảm 3.95 điểm (-1.53%), còn 253.64 điểm. Thanh khoản thị trường duy trì ở mức cao, đạt trên mức trung bình 20 phiên, ở mức 35.8 nghìn tỷ đồng, tương ứng với 1,202 triệu cổ phiếu được giao dịch. Khối ngoại tiếp tục bán ròng mạnh 1,306 tỷ đồng trong phiên hôm nay, trong đó giá trị bán ròng lớn nhất là FPT, SSI và VIC. Ngược lại, BSR, DCM và MWG là những cổ phiếu mua ròng tiêu biểu.

▶ VIC (-5.04%), GAS (-6.35%), GVR (-6.91%) là ba cổ phiếu đã gây sức ép lên thị trường. Ở chiều ngược lại, BSR (+4.07%), VPL (+1.59%), DCM (+3.77%) là ba mã cổ phiếu đã nâng đỡ thị trường trong phiên hôm nay.

▶ Dịch vụ viễn thông, Bất động sản, và Tiện ích là các nhóm ngành tác động tích cực nhất đến thị trường trong phiên hôm nay. Các mã tiêu biểu là VGI, VIC và GAS.

▶ **Góc nhìn kỹ thuật:** Thị trường xuất hiện phiên giảm điểm mạnh với áp lực bán áp đảo diễn ra xuyên suốt phiên. Thanh khoản ở mức cao, chưa xuất hiện áp lực bán hoảng loạn song lực cầu còn yếu khiến thị trường không thể hồi phục. Về mặt kỹ thuật, rủi ro ngắn hạn chiếm ưu thế khi VN-Index đánh mất ngưỡng hỗ trợ 1,800 điểm và lùi về ngưỡng hỗ trợ MA100 ở 1,750. Nếu lực cầu tiếp tục yếu và thị trường không giữ được ngưỡng MA100, VN-Index có thể lùi sâu hơn về MA200 tại mức 1,630 điểm để kiểm định.

Dưới góc nhìn thống kê, chúng tôi theo dõi tỷ lệ phần trăm các mã cổ phiếu giao dịch trên đường trung bình động 50 ngày (EMA50) như một chỉ báo để xác định đáy thị trường. Trong lịch sử, VN-Index thường xác nhận đáy khi tỷ lệ này dao động trong khoảng từ 30% đến 40% và tạo đỉnh quanh vùng 60-70%. Với con số hiện tại đang ở mức quanh 40-45%, dữ liệu cho thấy dư địa tăng trưởng vẫn còn cho phần lớn các cổ phiếu.

Ở trường hợp cơ sở: Thị trường bật tăng sau khi kiểm định lại hỗ trợ 1,800 sẽ hướng về vùng đỉnh cũ ngắn hạn tại 1,900. Điều kiện cần để thị trường duy trì xu hướng tăng là thanh khoản tiếp tục cải thiện (với sự góp mặt của nhà đầu tư tổ chức) và dòng tiền lan tỏa dần sang các nhóm ngành khác.

Ở trường hợp tiêu cực: Đà tăng mạnh với thanh khoản cải thiện cùng độ rộng thị trường cho thấy sự lan tỏa tích cực đã tạo ra cho nhà đầu tư một điểm cắt lỗ phù hợp trong trường hợp thị trường đón nhận thông tin tiêu cực ngoài dự báo. Theo đó, trong trường hợp tiêu cực, VN-Index giảm về vùng sideway đã tích lũy trước đó quanh 1,600-1,700, nhà đầu tư có thể cân nhắc giảm tỷ trọng để quản trị rủi ro danh mục

**Chiến lược:** Nhà đầu tư trung dài hạn có thể mua với nhóm chưa tăng và có nền tích lũy chặt. Tuy nhiên, khi chỉ số đã tăng mạnh và tiến vào vùng kháng cự cao hơn, ưu tiên nắm giữ và sẵn sàng chốt lời ngắn hạn hơn là mua mới đặc biệt với nhóm cổ phiếu vận động theo thị trường.




**Các chỉ số chính trên thị trường chứng khoán Việt Nam (tỷ đồng)**

| Index | Giá | %1D | %1M | %1Yr. | PER | PBR | Vốn hóa |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| VN-Index | 1,768 | -2.2 | 0.7 | 34.1 | 16.3 | 2.2 | 8,459,687 |
| VN30 Index | 1,904 | -2.0 | -2.0 | 38.0 | 14.9 | 2.3 | 5,863,382 |
| VN Midcap | 2,201 | -1.1 | 2.2 | 9.7 | 14.5 | 1.5 | 1,471,998 |
| VN Smallcap | 1,468 | -1.2 | -0.3 | -2.6 | 16.2 | 1.0 | 312,408 |
| HNX Index | 254 | -1.5 | -1.0 | 6.6 | 13.5 | 1.5 | 411,389 |
| UpCom | 127 | -0.8 | 1.1 | 27.7 | 13.4 | 1.8 | 662,137 |

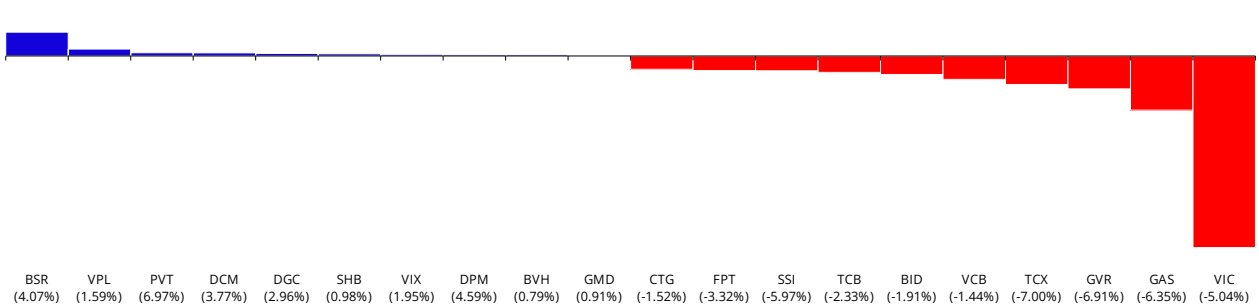
**Nhóm ngành (tỷ đồng)**

| Nhóm ngành | %1D | %1M | %YTD | %1 YR. | PER | PBR | Vốn hóa |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Bán lẻ | -3.7 | 5.9 | -4.0 | 1.3 | 19.6 | 3.7 | 166,208 |
| Bảo hiểm | 0.4 | 36.2 | 26.2 | 26.9 | 16.2 | 2.0 | 70,156 |
| Bất động sản | -3.4 | 2.9 | -14.7 | 180.8 | 25.1 | 2.7 | 1,982,680 |
| CNTT | -3.1 | -12.4 | -13.5 | -31.5 | 14.8 | 3.2 | 154,314 |
| Dầu khí | -3.2 | 82.9 | 64.2 | 48.0 | 37.9 | 3.9 | 102,290 |
| Dịch vụ tài chính | -4.4 | 7.6 | 4.5 | 23.6 | 14.4 | 1.6 | 255,535 |
| Tiện ích | -4.8 | 50.1 | 30.1 | 44.5 | 17.3 | 2.5 | 421,626 |
| Du lịch và Giải trí | 3.8 | -7.4 | -10.8 | 41.9 | 17.1 | 4.8 | 176,662 |
| Hàng & DV CN | -0.5 | 10.2 | 7.5 | 19.7 | 14.0 | 1.7 | 181,184 |
| Hàng CN & Gia dụng | -1.2 | 15.6 | 10.6 | 5.9 | 12.1 | 1.8 | 64,017 |
| Hóa chất | -3.6 | 31.0 | 36.1 | 6.6 | 19.1 | 2.1 | 260,656 |
| Ngân hàng | -1.3 | 5.9 | 1.4 | 19.0 | 9.4 | 1.6 | 2,642,960 |
| Ô tô và phụ tùng | -1.6 | -8.6 | -5.2 | 1.1 | 3.5 | 1.2 | 15,101 |
| Tài nguyên Cơ bản | -0.2 | 3.9 | 3.9 | 11.7 | 14.9 | 1.4 | 255,065 |
| Th.phẩm & Đồ uống | -1.1 | -0.2 | -1.2 | 4.5 | 16.4 | 2.4 | 449,072 |
| Truyền thông | -2.5 | -0.3 | 0.9 | -20.0 | 25.4 | 1.0 | 2,710 |
| Xây dựng và Vật liệu | -1.0 | -4.9 | -0.6 | 4.4 | 11.2 | 1.4 | 143,713 |
| Y tế | -0.1 | 6.4 | 3.1 | 4.3 | 19.3 | 2.2 | 41,602 |

**Tiền tệ và hàng hóa**

| | Tỷ giá | %1D | %1W | %1M | %3M | %YTD | %1Yr. |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Dollar index | 99 | -0.1 | 1.7 | 1.7 | 0.3 | 1.0 | -4.6 |
| USD/JPY | 158 | 0.1 | 1.1 | 0.4 | 1.2 | 0.7 | 6.6 |
| USD/CNY | 7 | 0.0 | 0.7 | -0.4 | -2.3 | -1.1 | -4.6 |
| KRW/USD | 1,485 | 0.1 | 3.1 | 1.4 | 1.0 | 3.1 | 2.6 |
| EUR/USD | 1 | 0.2 | 2.0 | 2.0 | 0.5 | 1.4 | -6.9 |
| USD/VND | 26,224 | 0.1 | 0.6 | 1.0 | -0.5 | -0.3 | 2.8 |
| Dầu Thô | 85 | 4.6 | 26.5 | 33.4 | 41.1 | 47.6 | 27.7 |
| Xăng | 237 | -11.2 | 14.1 | 21.4 | 29.3 | 39.0 | 12.8 |
| Khí đốt | 3 | 1.1 | 6.2 | -11.3 | -42.6 | -17.6 | -29.4 |
| Than | 135 | 0.6 | 16.6 | 16.8 | 22.4 | 25.6 | 28.9 |
| Vàng | 5,080 | -0.1 | -3.8 | 2.3 | 21.2 | 17.6 | 74.4 |
| Thép cuộn | 3,239 | 0.0 | -0.2 | -0.8 | -2.1 | -0.9 | -5.0 |

**Đóng góp vào VN Index**




**[Analyst ]**
**Nhi Nguyen**
☎ (84-28) 6299 - 8000
✉ nhi.ntt@shinhan.com

Theo dõi Zalo của SSV
để cập nhật báo cáo mới nhất

Quét mã QR hoặc
click để theo dõi

# Điểm tin thị trường

## Tin tức nổi bật

**1. FPT – Công nghiệp:** FPT chuẩn bị triển khai hai dự án tại phường Nam Nha Trang gồm khu đô thị công nghệ hơn 44 ha với vốn đầu tư dự kiến trên 8,700 tỷ đồng và khu công nghệ số tập trung gần 8 ha với vốn đầu tư khoảng 163 tỷ đồng.

**2. BSR – Dầu khí:** BSR đã ký hợp đồng mua khoảng 3 triệu thùng dầu thô nhập khẩu cho giai đoạn tháng 3–5/2026 và cảnh báo vận hành nhà máy ở mức 118–120% công suất sẽ chịu áp lực lớn về giá và nguồn cung.

**3. HDB – Ngân hàng:** HDBank đặt mục tiêu lợi nhuận trước thuế năm 2026 đạt trên 27,719 tỷ đồng, tổng tài sản tăng trên 28% so với 2025, duy trì ROE trên 25%, ROA trên 2% và chuẩn bị IPO Chứng khoán HD.

**4. VPB – Ngân hàng:** VPBank vừa điều chỉnh tăng lãi suất tiết kiệm từ 6 tháng trở lên, trong đó lãi suất kỳ hạn 6–12 tháng tại quầy lên tối đa 6.60%/năm và online lên tối đa 6.80%/năm, tăng 0.3 điểm %.

**5. ACV – Hàng không:** Ngày 4/3/2026, ACV thông báo ông Vũ Thế Phiệt - Chủ tịch HĐQT và ông Nguyễn Tiến Việt - Phó Tổng giám đốc bị bắt tạm giam do bị điều tra vi phạm quy định về đấu thầu và nhận tiền để tạo điều kiện cho nhà thầu trúng thầu.

**6. GAS – Dầu khí:** PV GAS đã thu xếp thành công hai chuyến tàu nhập khẩu tổng cộng khoảng 140,000 tấn LNG trong tháng 3/2026 và duy trì tồn kho khả dụng khoảng 15,000 tấn LNG phục vụ sản xuất điện đến hết tháng 4/2026.

**7. VIX – Chứng khoán:** CTCP Chứng khoán VIX dự kiến chào bán 918.86 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với giá 12,000 đồng mỗi cổ phiếu, dự kiến thu về hơn 11,026 tỷ đồng để bổ sung vốn hoạt động và đầu tư.

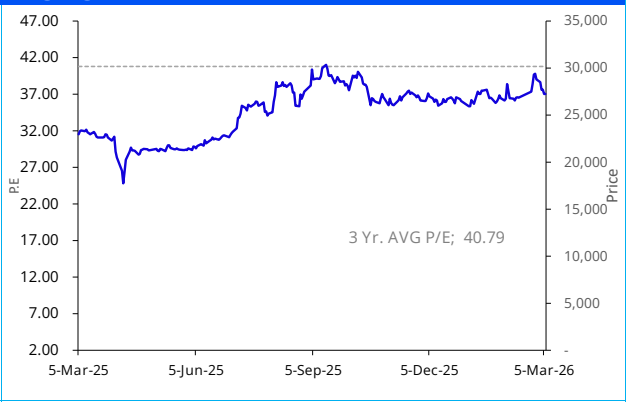
**8. NVL –Bất động sản:** Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Bất động sản Green Land, công ty con gián tiếp của Novaland, vừa thanh toán gần 16.7 tỷ đồng tiền lãi cho lô trái phiếu GRL12501 phát hành 315 tỷ đồng.

**9. VGC – Công nghiệp:** Trong 2 tháng đầu năm 2026, Viglacera đạt doanh thu hợp nhất khoảng 2,171 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế gần 233 tỷ đồng, tăng 25% so với cùng kỳ 2025; dự kiến quý I/2026 đạt khoảng 298 tỷ đồng LNTT.

## Cổ phiếu nổi bật trong ngày

**CTCP Tập đoàn Hòa Phát - HPG**

**HPG – Thép:** Nhà máy ống thép Hòa Phát Long An có tổng mức đầu tư 2,600 tỷ đồng, diện tích 15 ha, công suất 410,000 tấn/năm, đã hoàn thành và chính thức vận hành từ tháng 01/2026, tạo việc làm cho gần 1,000 lao động.






Shinhan Securities

# Xu hướng dòng tiền

## Luân chuyển dòng tiền giữa các nhóm ngành (tỷ đồng)

| STT | Nhóm ngành | % Thay đổi thanh khoản trung bình 1 tuần | 3/5/2026 | 3/6/2026 | TB 1 tuần | Xu hướng 20 phiên |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Công nghệ Thông tin | 15.6 | 1,393 | 1,996 | 1,727 | |
| 2 | Y tế | 6.5 | 28 | 40 | 38 | |
| 3 | Bán lẻ | -7.8 | 1,295 | 1,449 | 1,573 | |
| 4 | Bảo hiểm | -8.8 | 69 | 88 | 97 | |
| 5 | Dịch vụ tài chính | -12.6 | 7,561 | 5,308 | 6,077 | |
| 6 | Hàng cá nhân & Gia dụng | -14.5 | 365 | 397 | 464 | |
| 7 | Dầu khí | -16.0 | 3,769 | 2,911 | 3,464 | |
| 8 | Ô tô và phụ tùng | -19.8 | 45 | 53 | 66 | |
| 9 | Du lịch và Giải trí | -21.4 | 319 | 255 | 325 | |
| 10 | Hóa chất | -21.9 | 1,752 | 1,884 | 2,411 | |
| 11 | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | -26.1 | 2,446 | 2,218 | 3,002 | |
| 12 | Xây dựng và Vật liệu | -28.3 | 1,387 | 1,098 | 1,531 | |
| 13 | Bất động sản | -28.6 | 3,789 | 2,903 | 4,067 | |
| 14 | Thực phẩm và đồ uống | -29.0 | 1,550 | 1,612 | 2,271 | |
| 15 | Ngân hàng | -30.1 | 5,906 | 5,506 | 7,873 | |
| 16 | Tài nguyên Cơ bản | -31.8 | 1,591 | 1,460 | 2,140 | |
| 17 | Điện, nước & xăng dầu khí đốt | -33.4 | 1,300 | 1,105 | 1,661 | |

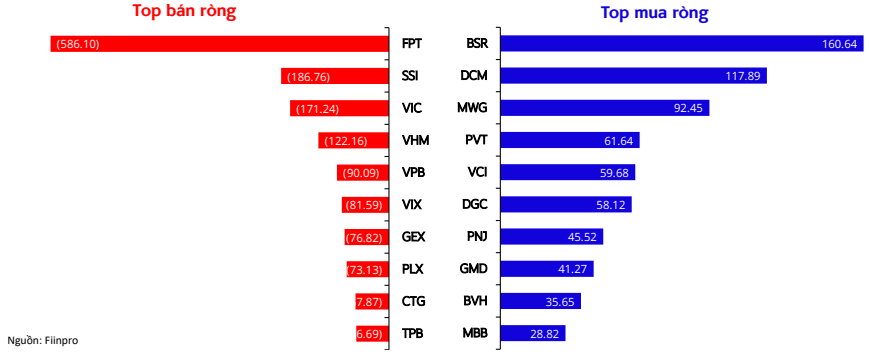
## Top 15 cổ phiếu có giá trị giao dịch đột biến 1 tuần

| Mã | Tên doanh nghiệp | Nhóm ngành | % Thay đổi | | | Thống kê giao dịch | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Giá đóng cửa | %1D | % 1W | %YTD | % Thay đổi GTGD | GTGD (tỷ đồng) | Xu hướng |
| SSI | Chứng khoán SSI | Dịch vụ tài chính | 31,500 | -6.0 | -2.8 | 36.1 | 91 | 2,279.9 | |
| VCI | Chứng khoán Vietcap | Dịch vụ tài chính | 38,000 | -6.2 | -1.3 | 17.0 | 236 | 995.0 | |
| MWG | Thế giới di động | Bán lẻ | 82,700 | -2.9 | -11.2 | 37.5 | 82 | 1,110.0 | |
| VCB | Vietcombank | Ngân hàng | 61,600 | -1.4 | -5.1 | 1.7 | 127 | 551.1 | |
| VHM | Vinhomes | Bất động sản | 95,000 | 0.0 | -12.0 | 137.5 | 30 | 664.4 | |
| MSN | Tập đoàn Masan | Thực phẩm và đồ uống | 73,300 | -2.7 | -7.2 | 4.7 | 28 | 588.4 | |
| MBB | MBBank | Ngân hàng | 26,700 | -1.3 | -6.3 | 63.0 | (1) | 596.5 | |
| TCB | Techcombank | Ngân hàng | 31,450 | -2.3 | -13.2 | 31.0 | (11) | 467.7 | |
| CTG | VietinBank | Ngân hàng | 35,650 | -1.5 | -6.8 | 37.5 | (21) | 306.1 | |
| SHB | SHB | Ngân hàng | 15,400 | 1.0 | -3.4 | 95.6 | (12) | 1,136.1 | |
| GEX | Tập đoàn Gelex | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | 35,600 | -1.0 | -10.0 | 102.6 | (36) | 293.0 | |
| VIX | Chứng khoán VIX | Dịch vụ tài chính | 17,650 | 1.9 | -7.1 | 122.8 | (18) | 754.9 | |
| HPG | Hòa Phát | Tài nguyên Cơ bản | 27,250 | 0.0 | -5.4 | 22.7 | (15) | 1,202.8 | |
| VND | Chứng khoán VNDIRECT | Dịch vụ tài chính | 18,150 | -4.0 | -2.9 | 48.6 | (51) | 249.8 | |
| DIG | DIC Corp | Bất động sản | 13,550 | -1.5 | -9.4 | -17.1 | (79) | 109.3 | |

## Top 10 cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến 1 tuần

| Mã | Tên doanh nghiệp | Nhóm ngành | % thay đổi | | | Thống kê giao dịch | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Giá đóng cửa | %1D | % 1W | %YTD | % Thay đổi KLGD | Khối lượng giao dịch | Xu hướng |
| GEE | Thiết bị điện GELEX | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | 163,500.0 | -0.9 | -13.0 | -33.4 | 3.4 | 125.70 | |
| DPG | Tập đoàn Đạt Phương | Xây dựng và Vật liệu | 43,500.0 | -4.4 | -7.8 | 16.0 | 5.0 | 47.65 | |
| HHP | Giấy Hoàng Hà Hải Phòng | Tài nguyên Cơ bản | 13,500.0 | -2.9 | -7.8 | 21.6 | 10.2 | 10.70 | |
| BFC | Phân bón Bình Điền | Hóa chất | 69,900.0 | -6.9 | -5.0 | 63.7 | 2.2 | 42.25 | |
| DGW | Thế Giới Số | Bán lẻ | 44,750.0 | -2.7 | -12.6 | 14.7 | 1.1 | 41.25 | |
| HVH | Đầu tư và Công nghệ HVC | Xây dựng và Vật liệu | 11,950.0 | -0.4 | -1.6 | -10.8 | 2.5 | 13.55 | |
| CIG | Xây dựng COMA 18 | Xây dựng và Vật liệu | 6,550.0 | -6.4 | -17.5 | -22.9 | 1.8 | 9.30 | |
| CKG | Xây dựng Kiên Giang | Bất động sản | 9,340.0 | -0.1 | -5.3 | -6.6 | -4.8 | 12.40 | |
| RYG | Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia | Xây dựng và Vật liệu | 11,200.0 | -1.3 | 3.7 | 8.7 | -6.9 | 11.00 | |
| TDP | Công ty Thuận Đức | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | 29,750.0 | 0.8 | 2.4 | 2.6 | -3.5 | 33.20 | |

## Top mua bán ròng của khối ngoại trong ngày (tỷ đồng)




Nguồn: Fiinpro

## Giao dịch của khối ngoại (tỷ đồng)

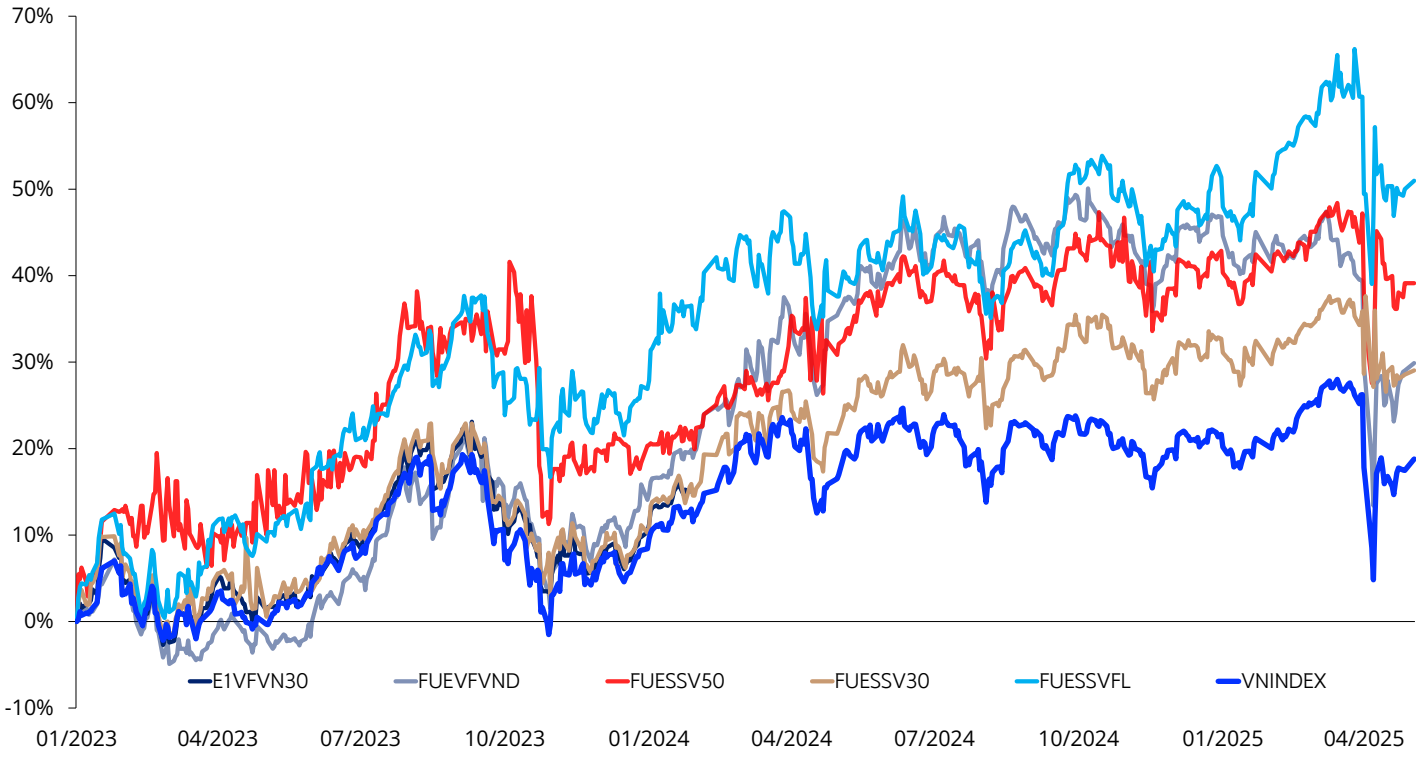
| Ngày | Mua | Bán | Mua-Bán ròng |
|---|---|---|---|
| 3/6/2026 | 3,359.1 | 4,668.9 | -1,309.7 |
| 3/5/2026 | 3,099.8 | 6,217.3 | -3,117.5 |
| 3/4/2026 | 4,734.1 | 6,426.1 | -1,692.0 |
| 3/3/2026 | 3,691.1 | 4,478.2 | -787.2 |
| 3/2/2026 | 4,910.9 | 4,149.4 | 761.5 |
| 2/27/2026 | 4,264.0 | 4,073.9 | 190.1 |
| 2/26/2026 | 6,145.0 | 9,215.5 | -3,070.4 |
| 2/25/2026 | 4,727.8 | 5,790.6 | -1,062.8 |
| 2/24/2026 | 5,044.2 | 4,722.3 | 322.0 |
| 2/23/2026 | 2,938.5 | 4,055.1 | -1,116.7 |
| 2/13/2026 | 3,463.8 | 3,271.1 | 192.6 |
| 2/12/2026 | 2,843.1 | 2,500.7 | 342.4 |
| 2/11/2026 | 5,144.6 | 3,055.4 | 2,089.2 |
| 2/10/2026 | 3,821.9 | 3,063.5 | 758.3 |
| 2/9/2026 | 3,346.5 | 3,599.1 | -252.5 |
| 2/6/2026 | 5,077.8 | 5,996.9 | -919.1 |

# Chứng chỉ quỹ ETF

**Thống kê giao dịch chứng chỉ quỹ ETF nội địa**

| Stt | Tên quỹ | Mã chứng chỉ quỹ | Giá (VND) | %1D | %1M | YTD | KLGD | GTGD (tỷ đồng) | Thanh khoản 20 phiên |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | DCVFMVN30 ETF Fund | E1VFVN30 | 34,100 | -2.3% | -2.5% | -5.5% | 543,400 | 18.6 | |
| 2 | SSIAM VNX50 ETF | FUESSV50 | 29,960 | -0.1% | 0.0% | 5.4% | 6,200 | 0.2 | |
| 3 | SSIAM VNFIN LEAD ETF | FUESSVFL | 29,950 | -2.3% | -0.7% | -1.4% | 40,700 | 1.2 | |
| 4 | DCVFMVN Diamond ETF | FUEVFVND | 37,680 | -1.4% | -4.4% | -1.6% | 469,400 | 17.7 | |
| 5 | VinaCapital VN100 ETF | FUEVN100 | 26,500 | -1.5% | -3.6% | 3.8% | 48,100 | 1.3 | |
| 6 | SSIAM VN30 ETF | FUESSV30 | 24,730 | 0.7% | -4.0% | -3.0% | 83,700 | 2.0 | |
| 7 | MAFN VN30 ETF | FUEMAV30 | 23,270 | -2.2% | -2.3% | -6.2% | 1,400 | 0.0 | |
| 8 | IPAAM VN100 ETF | FUEIP100 | 12,880 | -2.8% | -0.8% | 3.5% | 13,400 | 0.2 | |
| 9 | KIM Growth VN30 ETF | FUEKIV30 | 12,950 | -2.6% | -2.3% | -6.0% | 1,400 | 0.0 | |
| 10 | DCVFMVN Mid Cap ETF | FUEDCMID | 13,950 | -3.3% | -4.5% | -5.8% | 5,100 | 0.1 | |
| 11 | KIM Growth VNFINSELECT ETF | FUEKIVFS | 17,390 | -0.3% | -0.1% | -1.0% | 400 | 0.0 | |
| 12 | MAFM VNDIAMOND ETF | FUEMAVND | 15,930 | -1.5% | -3.3% | -2.3% | 1,900 | 0.0 | |
| 13 | FPT CAPITAL VNX50 ETF | FUEFCV50 | 14,970 | 0.0% | -0.9% | 4.0% | 5,300 | 0.1 | |
| 14 | KIM GROWTH VN DIAMOND ETF | FUEKIVND | 14,390 | n.a | 0.6% | 0.1% | 0 | n.a | |
| 15 | Bao Viet Fund VN Diamond | FUEBFVND | n.a | n.a | 0.0% | 0.0% | 0 | n.a | |
| 16 | An Binh Fund VN Diamond | FUEABVND | 12,250 | 0.0% | 2.9% | 13.3% | 0 | n.a | |

**Tỷ suất lợi nhuận của các ETF và VNINDEX**




**Thống kê chứng chỉ quỹ ETF nội địa**

| Stt | Tên quỹ | Công ty quản lý | Ngày thành lập | Mô phỏng chỉ số | Tài sản (triệu USD) | Dòng vốn ròng 1M (triệu USD) | Dòng vốn ròng 3M (triệu USD) | Tỷ suất lợi nhuận 1Y (%) | Độ lệch chuẩn 1Y (%) | Beta | Lợi suất cổ tức (%) | PB (x) | PE (x) | Tỷ trọng top 10 cổ phiếu (%) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | DCVFMVN30 ETF Fund | DCVFM | 8/14/2014 | VN30TR | t be empty | (25,052) | (376,523) | 41.7 | 19.0 | 0.9 | 1.72 | 2.3 | 13.8 | 53.6 |
| 2 | SSIAM VNX50 ETF | SSIAM | 12/15/2014 | VNX50IX | n.a | - | 5,620 | 45.0 | 23.7 | 0.8 | 1.64 | 1.8 | 13.7 | 52.3 |
| 3 | SSIAM VNFIN LEAD ETF | SSIAM | 2/24/2020 | VNFL | n.a | 14,960 | 53,628 | 28.8 | 25.4 | 1.0 | 2.04 | 1.5 | 9.3 | 85.6 |
| 4 | DCVFMVN Diamond ETF | DCVFM | 5/12/2020 | VND | n.a | 305,302 | 336,741 | 12.9 | 21.7 | 0.9 | 1.96 | 2.1 | 12.4 | 84.1 |
| 5 | VinaCapital VN100 ETF | Vinacapital | 6/16/2020 | VN100 | n.a | - | - | 43.2 | 20.1 | 0.8 | 1.58 | 2.0 | 13.3 | 49.7 |
| 6 | SSIAM VN30 ETF | SSIAM | 7/27/2020 | VN30 | n.a | 7,514 | 7,353 | 44.6 | 21.8 | 0.7 | 1.75 | 2.2 | 13.3 | 63.0 |
| 7 | MAFN VN30 ETF | MAFM | 12/8/2020 | VN30 | n.a | (49,493) | (74,073) | 40.3 | 21.5 | 1.0 | 1.56 | 2.2 | 13.9 | 70.0 |
| 8 | IPAAM VN100 ETF | I.P.A | 7/28/2021 | VN100 | n.a | - | - | 38.5 | 54.8 | 0.9 | 1.56 | 2.0 | 13.4 | 55.0 |
| 9 | KIM Growth VN30 ETF | KIM | 1/6/2022 | VN30TR | n.a | - | - | 41.8 | 24.1 | 0.9 | 1.73 | 1.8 | 11.7 | 58.9 |
| 10 | DCVFMVN Mid Cap ETF | DCVFM | 9/29/2022 | VNMidcap | n.a | 1,326 | 9,598 | 12.0 | 25.4 | 0.8 | 1.46 | 1.5 | 13.6 | 38.7 |
| 11 | KIM Growth VNFINSELECT ETF | KIM | 11/3/2022 | VNFS | n.a | - | (8,614) | 26.7 | 25.8 | 0.9 | 1.97 | 1.4 | 8.8 | 71.1 |
| 12 | MAFM VNDIAMOND ETF | MAFM | 3/2/2023 | VND | n.a | 25,071 | (7,679) | 12.6 | 23.3 | 0.9 | 2.07 | 2.0 | 11.8 | 87.3 |
| 13 | FPT CAPITAL VNX50 ETF | FPTF | 5/25/2023 | VNX50 | n.a | - | - | 27.6 | 37.0 | 0.6 | n.a | n.a | n.a | n.a |
| 14 | KIM GROWTH VN DIAMOND ETF | KIMF | 4/24/2024 | VNX50 | n.a | n.a | n.a | 14.4 | 25.5 | 1.0 | 1.94 | 2.0 | 12.8 | 81.7 |
| 15 | Bao Viet Fund VN Diamond | BVF | #N/A N/A | VN30 | n.a | n.a | n.a | n.a | 0.0 | n.a | n.a | n.a | n.a | n.a |
| 16 | An Binh Fund VN Diamond | ABF | 8/16/2024 | VN30 | n.a | n.a | n.a | 20.1 | 30.1 | 0.6 | n.a | n.a | n.a | n.a |

Nguồn: Bloomberg



Shinhan Securities

# Mạng lưới Shinhan Investment

## SEOUL

Shinhan Securities Corp.
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

## NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

## HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

## INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599

## SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

## HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
18th Floor, The Mett Tower, 15 Tran Bach Dang Street, Thu Thiem Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

## HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To, Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District, Hanoi, Vietnam
Tel : (84-8) 6299-8000



### Thông báo tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lí nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

### Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiên và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền ⓒ 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.

Shinhan Securities